

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh L.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị H.**

2. Ông **Lý Đức P.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thu H** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 594/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Mùng Thị T** – Sinh năm: 1991.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Nùng; Trình độ văn hóa: 12/12.

Địa chỉ: Thôn R, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nông Văn H** – Sinh năm: 1991.

Dân tộc: Nùng;

Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn Q, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang. (Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2019/QĐST-VDS ngày 07 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang).

Hôm nay vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18-3-2020 của nguyên đơn chị Mùng Thị T và các lời khai tại Tòa án trình bày: Chị T và anh H trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Chị T và anh H về chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2008 và có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 8 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau khi về chung sống với nhau, chị T và anh H chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2016, thì vợ chồng chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị T, anh H có nhiều điều bất đồng, cuộc sống không hòa thuận,

thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh Nông Văn H đã bỏ nhà đi biệt tích từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Ngày 07-9-2019, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2019 tuyên bố anh Nông Văn H mất tích. Chị T có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh H để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh H có một con chung:

Cháu Nông Vĩnh H1 – Sinh ngày: 10-12-2008.

Chị Mừng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được vì bị đơn đã bị tuyên bố mất tích. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Mừng Thị T vắng mặt có lý do (đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ tọa phiên tòa công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và những tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Chị Mừng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Về quan hệ hôn nhân, chị Mừng Thị T có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh H để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về con chung, tài sản chung và công nợ, chị Mừng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Mừng Thị T đối với anh Nông Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Mừng Thị T và anh Nông Văn H ly hôn.

3. Về con chung: Chị Mừng Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Chị Mừng Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Mừng Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang giải quyết việc tranh chấp về ly hôn của chị T và anh H. Theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mừng Thị T và anh Nông Văn H xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 25-8-2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh Nông Văn H bỏ nhà đi biệt tích và đã bị tuyên bố mất tích. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T có đơn xin ly hôn với anh H. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với là phù hợp.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Mừng Thị T và anh Nông Văn H có một con chung.

Cháu Nông Vĩnh H1 – Sinh ngày: 10-12-2008.

Chị Mừng Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Mừng Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Mừng Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Mừng Thị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc “Ly hôn” của chị Mừng Thị T và anh Nông Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Mừng Thị T và anh Nông Văn H ly hôn.

3. Về án phí: Chị Mừng Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nH1 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 02407 ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang (Chị Mừng Thị T đã nộp đủ tiền án phí).

4. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Mừng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã L;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Anh Luyện